

CÔNG TY CỔ PHẦN
NAFOODS GROUP
NAFOODS GROUP
JOINT STOCK COMPANY

Số: 0810/CBTT – NFG
No: 0810/CBTT - NFG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Nghệ An, ngày 08 tháng 10 năm 2024
Nghi An, October 08th 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh
To: - State Security Commission of Vietnam
- Hochiminh Stock Exchange

1. Tên tổ chức/Name of organization: Công ty cổ phần Nafoods Group
- Mã chứng khoán/ Stock code: NAF
- Địa chỉ/Address: 47 Nguyễn Cảnh Hoan, P. Quán Bàu, TP Vinh, Nghệ An
- Điện thoại liên hệ/Tel.: 02837 447 666 Fax: 02383 853 902
- E-mail: info@nafoods.com

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

Công ty cổ phần Nafoods Group công bố thông tin về việc sửa đổi Điều lệ do tăng vốn theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2023, Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2024, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 05/2024/NQ-HĐQT ngày 27/06/2024, chi tiết như sau: / Nafoods Group Joint Stock Company announced the amendment of Charter due to increase charter capital according to Annual General Meeting Resolution No. 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ dated April 27th 2024, Resolution No. 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ dated April 22nd 2024, Board of Directors Resolution No. 05/2024/NQ-HĐQT dated June 27th 2024, as of followings:

Nội dung tại Điều lệ Công ty CP Nafoods Group ngày 01/10/2024	Nội dung sửa đổi
<p>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</p> <p>1. Vốn điều lệ của Công ty là: 602.480.850.000 đồng (Sáu trăm lẻ hai tỷ bốn trăm tám mươi triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).</p> <p>2. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 60.248.085 cổ phần với mệnh giá là 10.000VNĐ/cổ phần</p>	<p>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</p> <p>1. Vốn điều lệ của Công ty là: 653.042.810.000 đồng (Sáu trăm năm mươi ba tỷ không trăm bốn mươi hai triệu tám trăm mười nghìn đồng).</p> <p>2. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 65.304.281 cổ phần với mệnh giá là 10.000VNĐ/cổ phần.</p>

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS GROUP



Nghệ An, ngày 07 tháng 10 năm 2024

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....	7
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	7
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	7
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	9
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	9
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	9
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	10
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	10
Điều 9. Chuyển nhượng Cổ phần	10
Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)	10
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ	11
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị	11
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	11
Điều 12. Quyền của Cổ đông Phổ thông	11
Điều 13. Nghĩa vụ của Cổ đông Phổ thông	13
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại	14
Điều 15. Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 16. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 17. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 18. Thay đổi các quyền.....	17
Điều 19. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 21. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 22. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	22

	Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	23
	Điều 24. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	25
	Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	26
VII.	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	26
	Điều 26. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	26
	Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	27
	Điều 28. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	28
	Điều 29. Thủ lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	30
	Điều 30. Chủ tịch, các Phó chủ tịch Hội đồng quản trị.....	30
	Điều 31. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	32
	Điều 32. Các ủy ban của Hội đồng quản trị	35
	Điều 33. Ủy ban kiểm toán.....	35
	Điều 34. Người phụ trách quản trị công ty.....	36
VIII.	TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	37
	Điều 35. Tổ chức bộ máy quản lý	37
	Điều 36. Người điều hành doanh nghiệp.....	37
	Điều 37. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.....	38
	Điều 38. Thư ký Công ty.....	39
IX.	TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC.....	41
	Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng.....	41
	Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	41
	Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	42
X.	QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	42
	Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	42
XI.	CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	43
	Điều 43. Công nhân viên và công đoàn.....	43
XII.	PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	43
	Điều 44. Phân phối lợi nhuận	43
XIII.	TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	44
	Điều 45. Tài khoản ngân hàng.....	44
	Điều 46. Năm tài chính.....	44

	Điều 47. Chế độ kế toán	45
XIV.	BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	45
	Điều 48. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	45
	Điều 49. Báo cáo thường niên	45
XV.	KIỂM TOÁN CÔNG TY	45
	Điều 50. Kiểm toán	45
XVI.	DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	46
	Điều 51. Con dấu	46
XVII.	GIẢI THỂ CÔNG TY VÀ THANH LÝ	46
	Điều 52. Giải thể Công ty	46
	Điều 53. Thanh lý	46
XVIII.	GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	47
	Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ	47
XIX.	BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	48
	Điều 55. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	48
XX.	NGÀY HIỆU LỰC	48
	Điều 56. Ngày hiệu lực	48

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 04 năm 2021, Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 04 năm 2022, sửa đổi và bổ sung theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 04 năm 2024, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 06/2024/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 07 năm 2024, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 05/2024/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 06 năm 2024.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

“**Chuẩn mực Kế toán**” nghĩa là Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính Việt Nam ban hành vào từng thời điểm;

“**Bên liên kết**” liên quan đến một Người nghĩa là bất kỳ Người nào trực tiếp hay gián tiếp Kiểm soát, được Kiểm soát bởi hoặc chịu sự Kiểm soát chung với Người đó. Không giới hạn nội dung trên, một Bên liên kết của một cá nhân cũng sẽ bao gồm các thành viên gia đình trực hệ của Người đó;

“**Luật Áp dụng**” nghĩa là tất cả các đạo luật, pháp luật, pháp lệnh, quy tắc và quy định áp dụng, bao gồm nhưng không giới hạn vào bất kỳ giấy phép, cho phép nào hay Phê duyệt khác của chính phủ, trong từng trường hợp có hiệu lực vào từng thời điểm;

“**Kiểm toán viên**” nghĩa là các kiểm toán viên độc lập bên ngoài của Công ty;

“**Cơ quan có Thẩm quyền**” nghĩa là cơ quan, ban ngành, ủy ban, nhà chức trách, tổ chức hay đơn vị trực thuộc quốc gia, đa quốc gia, khu vực hay chính quyền sở tại hoặc trực thuộc chính phủ, theo luật định, quản lý, hành chính, tài chính hoặc thuộc sở hữu của chính phủ, hoặc ngân hàng trung ương (hoặc bất kỳ Người nào dù thuộc hay không thuộc sở hữu của chính phủ và dù được thành lập hay có tên gọi như thế nào, mà thực hiện các chức năng của một ngân hàng trung ương) hoặc bất kỳ tòa án, hội đồng trọng tài, hoặc cơ quan tư pháp hay trọng tài;

“**Hội đồng Quản trị**” nghĩa là hội đồng quản trị của Công ty;

“**Thành viên độc lập Hội đồng quản trị**” có nghĩa được quy định tại Khoản 3 Điều 27 Điều lệ này

“**Ngày Làm việc**” nghĩa là ngày các ngân hàng mở cửa giao dịch tại thành phố New York, tiểu bang New York, Hoa Kỳ và Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;

“**Chủ tịch**” nghĩa là chủ tịch Hội đồng Quản trị;

“**Điều lệ**” nghĩa là điều lệ này của Công ty;

“**Vốn Điều lệ**” nghĩa là tổng mệnh giá cổ phần đã bán và được quy định tại Điều 6 của Điều lệ này;

“**Vốn có quyền biểu quyết**” nghĩa là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

“**Công ty**” nghĩa là Công ty Cổ phần Nafoods Group;

“**Kiểm Soát**” nghĩa là khả năng chỉ đạo việc quản lý hoặc các chính sách của một Bên, trực tiếp hoặc gián tiếp, cho dù thông qua quyền sở hữu phần vốn hoặc chứng khoán khác, bằng hợp đồng hay cách khác; miễn là trong mọi trường hợp, quyền sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ hai mươi sáu phần trăm (26%) trở lên vốn cổ phần có quyền biểu quyết của một Bên được coi là cấu thành việc Kiểm soát Bên đó và “đang Kiểm soát” và “được Kiểm soát” ý nghĩa tương ứng;

“**Quy chế Điều hành và Quản lý**” nghĩa là quy chế do Công ty soạn thảo và được Hội đồng Quản trị chấp thuận;

“**Năm Tài chính**” nghĩa là năm kế toán của Công ty bắt đầu hàng năm vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 trong năm đó;

“**Đại hội đồng cổ đông**” nghĩa là Đại hội đồng cổ đông của Công ty;

“**Ủy ban Kiểm toán**” có nghĩa được quy định tại Điều 33 Điều lệ này;

“**Ủy ban Chiến lược, Nhân sự, Lương thưởng**”, có nghĩa được quy định tại Điều 32.1 Điều lệ này;

“**Ủy ban đầu tư**” có nghĩa được quy định tại Điều 32.1 Điều lệ này;

“**Quy chế Nội bộ về Quản trị Công ty**” nghĩa là quy chế nội bộ về quản trị công ty do Hội đồng Quản trị soạn thảo và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận vào từng thời điểm;

“**Luật Doanh nghiệp**” nghĩa là Luật Doanh nghiệp của Việt Nam số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, được sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm;

“**Luật Chứng khoán**” nghĩa là Luật Chứng khoán của Việt Nam số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, được sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm;

“**Người điều hành doanh nghiệp**” là các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán Trưởng, và người điều hành khác trong Công ty được Hội đồng Quản trị và Chủ tịch Hội đồng Quản trị phê chuẩn;

“**Người quản lý doanh nghiệp**” là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp.

“**Quy chế Điều hành**” nghĩa là quy chế điều hành của Công ty;

“**Cổ phần Phổ thông**” nghĩa là một cổ phần phổ thông trong vốn điều lệ của Công ty, có các quyền, ưu đãi và đặc quyền và nghĩa vụ được quy định trong Điều lệ này và Luật Áp dụng;

“**Cổ đông Phổ thông**” nghĩa là một chủ sở hữu của Cổ phần Phổ thông;

“**Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại**” nghĩa là một cổ phần ưu đãi hoàn lại trong Vốn Điều lệ của Công ty, có các quyền, ưu đãi và đặc quyền như được quy định trong Điều lệ này và Luật Áp dụng;

“**Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại**” nghĩa là chủ sở hữu của một Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại;

“**Người có Liên quan**” nghĩa là các cá nhân hay tổ chức được xác định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

“**Thư ký**” nghĩa là thư ký của Công ty;

“**Cổ phần**” nghĩa là một cổ phần trong vốn điều lệ của Công ty, bao gồm, vào ngày của Điều lệ này, Cổ phần Phổ thông và Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại;

“**Cổ đông**” nghĩa là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một Cổ phần của Công ty;

“**Cổ đông sáng lập**” là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;

“**Cổ đông lớn**” là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

“**Thời hạn hoạt động**” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;

“**Sổ đăng ký Cổ đông**” nghĩa là sổ đăng ký cổ đông của Công ty, do Công ty hoặc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam lưu giữ tùy theo trường hợp;

“**Công ty con**” liên quan đến Công ty nghĩa là một Bên liên kết mà: (a) có trên năm mươi phần trăm (50%) vốn của Bên liên kết này được sở hữu, trực tiếp hoặc gián tiếp, bởi Công ty hoặc (b) đối với Bên liên kết đó Công ty có, trực tiếp hoặc gián tiếp, quyền chỉ đạo việc quản lý hoặc chính sách của Bên liên kết đó, cho dù thông qua quyền sở hữu cổ phần hoặc chứng khoán khác, bằng hợp đồng hay theo cách khác; và/hoặc các trường hợp khác theo quy định của Luật Áp Dụng (nếu có);

“**Thuế**” hay “**các khoản Thuế**” nghĩa là bất kỳ khoản thuế hiện tại hoặc tương lai nào (bao gồm thuế chứng thu), nghĩa vụ khấu trừ tại nguồn, thuế quan và bất kỳ khoản phí nào khác được áp dụng bởi bất kỳ Cơ quan có Thẩm quyền nào;

“**Kế hoạch Kinh doanh**”, bao gồm Kế hoạch Kinh doanh Năm Năm, hàng năm và hàng quý, nghĩa là bản kế hoạch về các hoạt động sản xuất và kinh doanh mà Công ty sẽ thực hiện trong kỳ kế hoạch, được Hội đồng Quản trị phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển của Công ty đã được Đại hội Đồng Cổ đông thông qua. Kế hoạch Kinh doanh gồm các nội dung được quy định tại Quy chế Quản lý và các nội dung khác mà Hội đồng Quản trị quyết định;

“**Sở giao dịch chứng khoán**” là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con;

“**Việt Nam**” nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; và

“**Đồng Việt Nam**” hoặc “**VNĐ**” nghĩa là tiền tệ hợp pháp của Việt Nam.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty
 - Tên Công ty bằng tiếng Việt: Công ty Cổ phần Nafoods Group
 - Tên Công ty bằng tiếng Anh: Nafoods Group Joint Stock Company
 - Tên Công ty viết tắt: NAFOODS GROUP
2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
 - Địa chỉ: Số 47 Nguyễn Cảnh Hoan, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam
 - Điện thoại: 0238 3853 322
 - Fax: 0238 3853 902
 - Website: www.nafoods.com
4. Công ty có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo Điều 52 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật. Chủ tịch HĐQT là đại diện theo pháp luật của Công ty.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:
 - Bán buôn thực phẩm (ngoại trừ các hàng hoá doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền phân phối theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 34/2013/TT-BCT ngày 24 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công Thương);
 - Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
 - Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (ngoại trừ các hàng hoá doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện

quyền phân phối theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 34/2013/TT-BCT ngày 24 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công Thương);

- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp thủy lợi);
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính.
- Chăn nuôi khác (Chi tiết: Chăn nuôi bò sữa và các gia súc khác);
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Chi tiết: Kinh doanh siêu thị) (ngoại trừ các hàng hoá doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền phân phối theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 34/2013/TT-BCT ngày 24 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công Thương);
- Bán buôn tổng hợp (Chi tiết: Mua bán cây trồng, vật nuôi);
- Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy khác; (ngoại trừ các hàng hoá doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền phân phối theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 34/2013/TT-BCT ngày 24 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công Thương);
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất chế phẩm sinh học);
- Bán buôn đồ uống; (ngoại trừ kinh doanh rượu, đồ uống có cồn)
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; (ngoại trừ các hàng hoá doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền phân phối theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 34/2013/TT-BCT ngày 24 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công Thương);
- Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng);

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

Công ty trở thành một tập đoàn kinh tế hàng đầu trong việc tạo ra chuỗi giá trị nông nghiệp xanh, bền vững cạnh tranh toàn cầu bằng chiến lược phát triển chuyên nghiệp, khép kín từ giống, trồng, chăm sóc, chế biến, xuất khẩu và phân phối – bán lẻ đến tận tay người tiêu dùng, trong đó hướng vào thị trường xuất khẩu chính là Châu Âu, Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc và Trung Đông tập trung vào các sản phẩm truyền thống từ nước ép hoa quả, sản phẩm IQF và dược liệu nhằm mang lại giá trị gia tăng cao nhất cho cổ đông, người lao động và xã hội.

Tạo ra các sản phẩm nông nghiệp tự nhiên, an toàn, thân thiện môi trường với chất lượng và giá cả cạnh tranh, nhằm thỏa mãn nhu cầu của các thị trường xuất khẩu và người tiêu dùng trong nước, góp phần thay đổi diện mạo ngành sản xuất nông nghiệp chế biến rau củ quả của Việt Nam nhằm đem lại giá trị gia tăng cao nhất cho cổ đông, người lao động và xã hội.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là: 653.042.810.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu trăm năm mươi ba tỷ không trăm bốn mươi hai triệu tám trăm mười nghìn đồng*).
2. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 65.304.281 cổ phần với mệnh giá là 10.000VNĐ/cổ phần.
3. Công ty có thể thay đổi Vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của Luật Áp dụng.
4. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm Cổ phần Phổ thông và Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều lệ này.
5. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của Luật Áp dụng.
6. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về Cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại Phụ lục 1 đính kèm. Phụ lục 1 này là một phần của Điều lệ này.
7. Cổ phần Phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các Cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu Cổ phần Phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số Cổ phần Cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số Cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
8. Công ty có thể mua Cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và Luật Áp dụng.
9. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của Luật Áp dụng.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số Cổ phần và loại Cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu của Công ty là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Công ty, cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu Cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua Cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số Cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng Cổ phần

1. Tất cả các Cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này, Luật Áp dụng có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ

trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Tổng Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của Cổ đông Phổ thông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số Cổ phần và loại Cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông Phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo uỷ quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ, Luật Áp Dụng quy định;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng Cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của Luật Áp Dụng;
 - d. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

- e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong Danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số Cổ phần sở hữu sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các Cổ đông nắm giữ loại Cổ phần khác của Công ty theo quy định của Luật Áp dụng;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại Cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - l. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Luật Áp dụng.
3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 05% tổng số Cổ phần Phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ủy ban kiểm toán, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c. Yêu cầu Ủy ban kiểm toán kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản, phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng Cổ phần và thời điểm đăng ký Cổ phần của từng Cổ Đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ Đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.

- d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
 - e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và Luật Áp Dụng.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:
- a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của Cổ đông Phổ thông

Cổ đông Phổ thông có các nghĩa vụ sau:

- 1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty.
- 2. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- 3. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; hoặc
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; hoặc
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; hoặc
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử; hoặc
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện, cách thức khác như được nêu trong thông báo mời họp.
- 4. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số Cổ phần cam kết mua theo quy định.
- 5. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua Cổ phần.
- 6. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu

trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

7. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ và Luật Áp Dụng; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
8. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.
9. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Áp dụng và Điều lệ này.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại

Một Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại sẽ có các quyền, ưu đãi và đặc quyền tương tự như Cổ đông Phổ thông (bao gồm nhưng không giới hạn các quyền nhận cổ tức và các khoản chia khác của Công ty theo tỷ lệ tương đương với Cổ đông Phổ thông), trừ việc: (a) Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại sẽ có các quyền, ưu đãi và đặc quyền khác như được quy định tại Phụ lục 2 của Điều lệ này; và (b) Cổ đông Ưu đãi hoàn lại không có quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 114 và khoản 6 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng họp thường niên mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc Năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc Năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm được kiểm toán và dự toán cho Năm tài chính tiếp theo.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật Áp dụng;

- c. Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm c, Điểm d Khoản 3 Điều này;
 - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Cổ đông, nhóm Cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.
 - c. Trong trường hợp này, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
 - d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 16. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

- 1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất của Công ty.
 - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

- i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;
 - k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
 - l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn Kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Áp Dụng.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:
- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm được kiểm toán;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán;
 - e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - f. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
 - g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
 - h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị
 - i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị;
 - j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất.
 - p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất của Công ty.

- r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
 - t. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ và Luật Áp Dụng.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 17. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.
Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty)..
3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 18. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại Cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được đồng thời thông qua bởi:
 - i. Cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả Cổ đông dự họp tán thành hoặc trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, được tán thành bởi số cổ đông sở hữu trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết; và

- ii. Các Cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các Cổ đông nắm giữ một loại Cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) Cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các Cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày tiếp theo sau đó và những người nắm giữ Cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Trường hợp chỉ có một (01) Cổ đông nắm toàn bộ số cổ phần ưu đãi của một loại, sự tham gia của Cổ đông đó là đủ điều kiện để tiến hành cuộc họp được quy định tại Điều này. Tại các cuộc họp của Cổ đông nắm giữ Cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ Cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi Cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
 3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.
 4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại Cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 19. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại Khoản 3, Điều 15 Điều lệ này.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách các Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách Cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ đông;
 - c. Chuẩn bị chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

- e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - f. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - g. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các Cổ đông có quyền dự họp.
 - h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán nhà nước nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi mốt) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các Cổ đông và/hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các Cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị,;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 4 Điều này;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ từ đủ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của Luật Áp Dụng và Điều lệ này.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp

quy định tại Khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nêu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện trên 51% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Trong trường hợp này, thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định họp lần hai. Cuộc họp đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp

Điều 21. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a. Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Công ty cấp cho từng Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Kết quả kiểm phiếu, Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa.
 - b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội đồng cổ đông sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho Cổ đông

đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Chủ tịch Ủy ban kiểm toán điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
- a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh họp

- pháp, hợp lý khác;
- b. Yêu cầu Cơ quan có Thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
- a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 22. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, trừ trường hợp Hội đồng quản trị quyết định xin ý kiến Cổ đông bằng văn bản:
 - a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Công ty;
 - b. Định hướng phát triển Công ty;
 - c. Loại cổ phần và tổng số lượng cổ phần của từng loại cổ phần;
 - d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.
 - e. Quyết định phương án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất của Công ty.
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm của Công ty; và
 - g. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các nội dung sau sẽ được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại cổ phần;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh của Công ty;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất của Công ty;
 - e. Tổ chức lại, giải thể Công ty.
 - f. Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.
3. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị có thể thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu hoặc không theo phương thức bầu dồn phiếu. Trước khi họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để bầu thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị sẽ quyết định phương thức biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phù hợp với các quy định tại Điều lệ này.
Trường hợp biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu thì thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
5. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết và gửi đến tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 19 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của Cổ đông là tổ chức; số lượng Cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
- a. Trường hợp gửi thư, Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.
 - b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu
 - c. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử đều không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập hoặc Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các Cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số Cổ đông sở hữu trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 24. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số Công ty;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên Chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký Cổ đông, đại diện Cổ đông dự họp với số Cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của

Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài, nội dung trong biên bản tiếng Việt được áp dụng.
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
4. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả Cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kèm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.
6. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách Cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của Cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng Cổ đông, Cổ đông, nhóm Cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Điều lệ hoặc Luật Doanh nghiệp, trừ trường hợp nêu tại Khoản 5 Điều 22 của Điều lệ Công ty.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm Luật Áp dụng hoặc Điều lệ.
Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 26. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố

và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
 3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
 4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Số lượng cụ thể thành viên Hội đồng quản trị trong từng thời kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

- a. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
- b. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:
 - Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
 - Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
 - Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
5. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

Điều 28. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Luật Áp dụng và Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển và sản xuất kinh doanh trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán Cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán Cổ phần và trái phiếu của Công ty và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền theo quy định của Luật Áp Dụng;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - g. Thông qua hợp đồng mua, bán, thế chấp, cầm cố, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định

của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

- h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và các điều khoản làm việc của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở các Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - i. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và các Người điều hành doanh nghiệp trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
 - j. Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy nhân sự của Công ty, trên cơ sở định hướng phát triển Công ty được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt; quyết định Quy chế Điều hành, các quy chế quản lý Công ty mà Hội đồng quản trị cho là cần thiết; quyết định đầu tư, góp vốn thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - k. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến bằng văn bản của Cổ đông thông qua nghị quyết;
 - l. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm đã được kiểm toán của Công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
 - m. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - n. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể; yêu cầu phá sản Công ty;
 - o. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
 - p. Các vấn đề khác liên quan đến Công ty mà Hội đồng quản trị thấy rằng cần phải được quyết định bởi Hội đồng quản trị, ngoài các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; và
 - q. Các quyền và nghĩa vụ khác được quy định tại Điều lệ này và Luật Áp dụng.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

4. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các Người điều hành doanh nghiệp đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 29. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao và thưởng cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao và thưởng cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.
3. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, Công ty con, Công ty liên kết của Công ty và các Công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các Ủy ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các Ủy ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 30. Chủ tịch, các Phó chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và các Phó chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể là thành viên Hội đồng quản trị độc lập.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm Chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Thay mặt Hội đồng quản trị ký các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị;
 - g. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Phó Tổng Giám đốc Giám đốc khối/Trưởng ban và tương đương, Trưởng và Phó phòng; quyết định tiền lương và các điều khoản làm việc của Giám đốc các khối/Trưởng ban và tương đương, Trưởng và Phó phòng;
 - h. Kiến nghị lên Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông về việc bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng. Thay mặt Hội đồng quản trị ký kết hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;
 - i. Trong phạm vi cho phép theo quy định của Luật Áp Dụng và xét thấy trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể tạm đình chỉ những quyết định của Tổng Giám đốc để hạn chế tổn thất và sau đó phải báo cáo bằng văn bản đến Hội đồng quản trị để có quyết định chính thức về việc đình chỉ hoặc hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ đó trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày ra quyết định tạm đình chỉ đó;
 - j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật liên quan.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
 5. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình, Chủ tịch phải ủy quyền bằng văn bản cho một Thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch đồng thời thông báo việc ủy quyền đó tới tất cả các Thành viên Hội đồng quản trị còn lại. Nếu không có Thành viên Hội đồng quản trị nào được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, các Thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số các thành

viên tạm thời giữ chức Chủ tịch theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người điều hành doanh nghiệp khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
4. Đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất hai (02) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, thư điện tử, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
8. Cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp Hội đồng quản trị được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác như được nêu trong thông báo mời họp.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
12. Biểu quyết.
 - a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 12 Điều 31 này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc Người Có Liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
 - c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 12 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho Chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của Chủ tọa liên quan

đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

- d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
13. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và Người Có Liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
 14. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 15. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.
 16. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

17. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt, và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu như quy định tại Khoản 1, Điều 158 Luật Doanh nghiệp.

Điều 32. Các ủy ban của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các ủy ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro, bao gồm nhưng không giới hạn Ủy ban kiểm toán; Ủy ban Chiến lược, Nhân sự, Lương thưởng; Ủy ban Đầu tư là các cơ quan chuyên môn của Hội đồng quản trị để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị. Số lượng thành viên do Hội đồng quản trị quyết định.

Hoạt động của ủy ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của ủy ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của Ủy ban.

2. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho các Ủy ban quy định tại khoản 1 Điều này được quyền hành động và ra quyết định về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Trừ trường hợp Điều lệ này có quy định khác, thành viên của Ủy ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Việc thực thi quyết định của Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị hoặc của người có tư cách thành viên ủy ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
4. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các ủy ban và trách nhiệm của từng thành viên.

Điều 33. Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn thuộc Hội đồng quản trị. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.xung
2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty hoặc quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp Điều lệ công ty hoặc quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán có quy định tỷ lệ khác cao hơn, quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.
3. Ủy ban kiểm toán có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của công ty;
 - b. Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;
 - c. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty;
 - e. Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt;
 - f. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán;
 - g. Giám sát nhằm bảo đảm công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của công ty.
 - h. Khi có yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông được quy định tại Khoản 3 Điều 12 của Điều Lệ này, thực hiện và tiến hành kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ủy Ban Kiểm Toán phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Tiểu Ban Kiểm Toán quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
4. Ủy ban Kiểm Toán được quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.
 5. Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ủy Ban Kiểm Toán

Điều 34. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo

quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC VÀ THU KÝ CÔNG TY

Điều 35. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có một (01) Tổng Giám đốc, các Giám đốc Khối, 01 Kế toán trưởng và các chức danh khác do Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, quyết định của Chủ tịch hội đồng quản trị một cách hợp thức.

Điều 36. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng Người điều hành doanh nghiệp cần thiết, với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có sự mẫn cán, trách nhiệm cần thiết để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong các hoạt động và tổ chức.
2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những Người điều hành doanh nghiệp khác do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.
3. Tiền lương của Người điều hành doanh nghiệp được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 37. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám đốc.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - f. Kiến nghị số lượng và các loại Người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của Người điều hành doanh nghiệp;
 - g. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị (nếu xét thấy cần thiết) để quyết định số lượng người lao động, khung lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của các chức danh không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - h. Tổng Giám đốc sẽ là người đại diện cho Công ty hoặc ủy quyền cho Người điều hành doanh nghiệp khác để thực hiện việc tuyển dụng và ký kết các hợp đồng lao động (Ngoại trừ: những chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị quy định tại điểm h, Khoản 2, Điều 28 Điều lệ này, những chức danh thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị quy định tại điểm g, khoản 3, Điều 30 Điều lệ này);
 - i. Điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ này và các quy chế của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

- j. Vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
 - k. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - l. Lập Kế hoạch kinh doanh 3 – 5 năm, hàng năm và hàng quý, và hàng tháng của Công ty. Bản kế hoạch kinh doanh hàng năm phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty. Tổng Giám đốc có trách nhiệm điều hành Công ty tổ chức thực hiện theo Bản Kế hoạch kinh doanh đã được Hội đồng quản trị phê duyệt;
 - m. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - n. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và pháp luật.
 - o. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc với ít nhất hai phần ba (2/3) thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành (không kể biểu quyết của Chủ tịch hay thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp Chủ tịch hay thành viên Hội đồng quản trị này kiêm Tổng Giám đốc) và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế.

Điều 38. Thư ký Công ty

- 1. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:
 - a. Hỗ trợ đảm bảo việc tuân thủ quy định pháp luật về quản trị Công ty đại chúng;
 - b. Hỗ trợ đảm bảo việc tuân thủ các thủ tục quản trị;
 - c. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - d. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
 - e. Hỗ trợ quản lý khung quản trị Công ty;
 - f. Giám sát, tiến hành các buổi giới thiệu cho các thành viên mới của Hội đồng quản trị về các trách nhiệm, quyền hạn, quyền và nghĩa vụ khác của thành viên

- Hội đồng quản trị; Điều Lệ, Quy chế Điều hành, và các quy định khác mà thành viên Hội đồng quản trị cần phải biết trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình;
- g. Hỗ trợ trao đổi thông tin với và giữa Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp, Cổ đông;
 - h. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quản lý quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính; và
 - i. Hỗ trợ đảm bảo triết lý và các quy tắc ứng xử của Công ty được thực thi.
2. Các vai trò đã đề cập ở Khoản 1 nói trên được thể hiện thông qua những nhiệm vụ cụ thể như sau:
- a. Soát xét định kỳ, cung cấp ý kiến tư vấn cho Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị để đảm bảo khung, quy chế, thủ tục tuân thủ quy định pháp luật và thực hành quản trị;
 - b. Đóng góp vào việc trao đổi thông tin giữa Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị và các bên liên quan của Hội đồng quản trị, bao gồm Cổ Đông; Chuẩn bị các nội dung và thông tin cần thiết cho việc Hội đồng quản trị ra quyết định;
 - c. Ghi nhận và bảo quản toàn bộ sự ủy quyền, đặc biệt là các nội dung của Quy Chế Quản Trị Công ty;
 - d. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - e. Chuẩn bị kế hoạch, lịch, và các nội dung liên quan (bao gồm tài liệu, biên bản) của các cuộc họp Hội đồng quản trị và các Ủy ban của Hội đồng quản trị;
 - f. Quản lý các thông tin về cấu trúc quản trị, năng lực, kỹ năng, kinh nghiệm của các thành viên Hội đồng quản trị, các Ủy ban của Hội đồng quản trị;
 - g. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong việc đánh giá kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, các Ủy ban và các thành viên Hội đồng quản trị;
 - h. Ghi nhận và đề xuất những khóa đào tạo cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị;
 - i. Các công việc liên quan khác được giao.
3. Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

IX. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các Ủy ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người quản lý doanh nghiệp khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý doanh nghiệp khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty; không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý doanh nghiệp khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin..
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của các đối tượng này, không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người quản lý doanh nghiệp khác hoặc những Người Có Liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với hợp đồng, giao dịch có giá trị từ dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người quản lý doanh nghiệp khác đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc ủy ban liên quan được ủy quyền của Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc ủy ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số

phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị thành viên ủy ban không có lợi ích liên quan;

- b. Đối với những hợp đồng, giao dịch có giá trị lớn hơn 35% tổng tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của Người quản lý doanh nghiệp hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các Cổ đông, và được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các Cổ đông không có lợi ích liên quan;
6. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người quản lý doanh nghiệp khác và những Người Có Liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo uỷ quyền của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê Luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

X. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi

thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

- b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Cổ đông có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền thực hiện việc tra cứu sổ sách và hồ sơ. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của Cổ đông và nhóm cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của Cổ đông, nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách Cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ, tài liệu nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XI. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 43. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và Người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định của Luật Áp dụng.

XII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại Cổ phần.
4. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho Cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các Cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách Cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách Cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt, hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của Luật Áp dụng.

XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của Cơ quan có Thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của Luật Áp dụng.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 46. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 47. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia, theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XIV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 48. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong Năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 49. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 50. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho Năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho Kiểm toán viên sau khi kết thúc Năm tài chính.

2. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

XVI. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 51. Con dấu

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định thông qua loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung con dấu chính thức của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành và Quy chế Điều hành.

XVII. GIẢI THỂ CÔNG TY VÀ THANH LÝ

Điều 52. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của Luật Áp dụng.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của Cơ quan có Thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo Luật Áp dụng.

Điều 53. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập ban thanh lý ("**Ban thanh lý**") gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty

trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Nợ thuế;
 - d. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (đ) trên đây được phân chia cho các Cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty;
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hay Người điều hành doanh nghiệp khác.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng sáu mươi (60) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Toà án có thẩm quyền để giải quyết.
3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

XIX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 55. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của Luật Áp dụng có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Luật Áp dụng khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của Luật Áp dụng đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XX. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 56. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 20 mục 56 Điều được ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 01/2021/NQĐHĐCĐ ngày 24 tháng 04 năm 2021, Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 04 năm 2022, sửa đổi và bổ sung theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 04 năm 2024, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 06/2024/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 07 năm 2024, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 05/2024/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 06 năm 2024.
2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản tiếng Việt và mười (10) bản tiếng Anh, có giá trị như nhau, và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty:
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
5. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh của Điều lệ này, bản tiếng Việt sẽ được dùng để giải thích Điều lệ.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



ĐIÊN THỊ LAN PHƯƠNG

Phụ lục 1 – Cổ đông Sáng lập

Cho đến ngày 21 tháng 5 năm 2019

STT	Tên	Giới tính	Địa chỉ	CMND	Số Cổ phần	Phần trăm quyền sở hữu
1	Nguyễn Mạnh Hùng	Nam	Phường Hà Huy Tập, Thành phố Vinh, Nghệ An	182134923	8.827.500	24,32%
2	Phan Thị Minh Châu	Nữ	Phường Quang Trung, Thành phố Vinh, Nghệ An	181959166	1.800.700	4,96%
3	Nguyễn Mạnh Cường	Nam	Phường Hà Huy Tập, Thành phố Vinh, Nghệ An	186944231	88.000	0,24%

Phụ lục 2 – Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại

I. Giải thích Thuật ngữ

Trong Phụ lục 2 này, các từ và cụm từ được hiểu như sau:

"**Khoản Thanh toán Thực tế Hàng năm**" có nghĩa được quy định tại Mục 5.2(a)(vi) của Phụ lục 2 này;

"**Phí Thảm định Hàng năm**" nghĩa là phí thảm định hàng năm mà Công ty phải trả cho theo một Thỏa thuận Phí Thảm định Hàng năm;

"**Thỏa thuận Phí Thảm định Hàng năm**" nghĩa là thỏa thuận phí thảm định hàng năm giữa Công ty và một Người đăng ký Mua theo đó Công ty sẽ trả cho Người đăng ký Mua Phí Thảm định Hàng năm;

"**Phê duyệt**" nghĩa là sự đồng ý, đăng ký, nộp hồ sơ, thông báo, báo cáo, thỏa thuận, công chứng, giấy chứng nhận, giấy phép, phê duyệt, cho phép, phê chuẩn hoặc miễn trừ từ, bởi hoặc với bất kỳ Cơ quan có Thẩm quyền nào, dù được đưa ra bằng hành động cụ thể hoặc xem như được đưa ra thông qua việc không hành động trong bất kỳ khoảng thời gian xác định nào và mọi sự phê chuẩn hay chấp thuận của nội bộ công ty, các chủ nợ và cổ đông;

"**Giá Mua lại**" nghĩa là giá tiền tính bằng VND trên mỗi Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại bằng với kết quả của số tiền để đạt được IRR mười chín phẩy năm phần trăm (19.5%) trên Số tiền Mua Cổ phần chia cho số lượng Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại đang lưu hành;

"**Thay đổi quyền Kiểm soát**" nghĩa là, vào bất kỳ thời điểm nào khi một Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại đang lưu hành:

- i. các Cổ đông Chính, vào bất kỳ thời điểm nào và vì bất kỳ lý do gì, không còn nắm giữ và kiểm soát tổng cộng ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) cả quyền lợi kinh tế cũng như quyền biểu quyết trong vốn cổ phần của Công ty (được xác định trên Cơ sở Pha loãng Hoàn toàn); hoặc
- ii. bất kỳ Người hoặc nhóm Người nào, trừ Người tài trợ, có được quyền hạn (dù thực hiện hay không thực hiện) bầu chọn đa số Hội đồng Quản trị của Công ty; hoặc
- iii. không có sự đồng ý của Người đăng ký Mua, đa số Hội đồng Quản trị của Công ty tại ngày của Điều lệ này không còn là thành viên Hội đồng Quản trị; hoặc
- iv. không giới hạn đoạn (i), bất kỳ Cổ đông Chính nào (trừ Người tài trợ) không thực hiện các quyền của mình hoặc bỏ phiếu biểu quyết của mình về bất kỳ vấn đề nào liên quan đến Công ty theo cùng cách thức như Người tài trợ; hoặc
- v. một sự "thay đổi quyền kiểm soát" hay sự kiện tương tự xảy ra như được quy định trong bất kỳ văn bản nào khác về khoản vay hoặc cổ phần ưu đãi liên quan đến Công ty;

"**Tỷ lệ Tăng trưởng Hàng năm Kép**", trong một khoảng thời gian, nghĩa là tỷ suất hoàn vốn được tính bằng công thức sau:

$$CAGR = [(EB/BB)^{(1/n)}]-1$$

trong đó:

CAGR là Tỷ lệ Tăng trưởng Hàng năm Kép;

EB là lợi nhuận sau thuế của Công ty vào cuối khoảng thời gian đó;

BB là lợi nhuận sau thuế của Công ty vào đầu khoảng thời gian đó; và

n là độ dài của khoảng thời gian đó, tính bằng năm;

"**Hợp nhất**" hoặc "**Cơ sở Hợp nhất**" nghĩa là (liên quan đến mọi báo cáo tài chính sẽ được cung cấp, hoặc bất kỳ tính toán tài chính nào sẽ được thực hiện, theo hoặc cho mục đích của Điều lệ này và bất kỳ Tài liệu Giao dịch nào khác) phương pháp được đề cập tại Mục 1.02(c) của Hợp đồng Mua Cổ phần; và các đơn vị có báo cáo kế toán được hợp nhất với báo cáo kế toán của Công ty là tất cả các Công ty con của Công ty;

"**Chuyển đổi**" nghĩa là chuyển đổi toàn bộ hay một số Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại thành Cổ phần Phổ thông theo Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần như được quy định tại Mục 5 của Phụ lục 2 này, và "**Chuyển đổi**" và "**được Chuyển đổi**" sẽ được hiểu tương ứng;

"**Thông báo Chuyển đổi**" nghĩa là từng thông báo, về cơ bản theo mẫu được quy định trong Phụ lục 8 của Hợp đồng Mua Cổ phần, do Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại gửi cho Công ty căn cứ Mục 4.1 trong Phụ lục 2 này theo các yêu cầu của Mục 4.2 trong Phụ lục 2 này;

"**Quyền chọn Chuyển đổi**" nghĩa là quyền của Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại đối với việc Chuyển đổi;

"**Thời hạn Chuyển đổi**" nghĩa là khoảng thời gian bắt đầu vào ngày sau hai (2) năm kể từ ngày của Hợp đồng Mua Cổ phần, và chấm dứt vào ngày sau bảy (7) năm kể từ ngày của Hợp đồng Mua Cổ phần;

"**Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần**" nghĩa là giá mỗi Cổ Phần Chuyển đổi bằng VND, bằng với:

$$(A-B-C)/D$$

Trong đó:

A bằng tám (8) lần EBITDA của Công ty trong thời gian 12 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2019;

B là Nợ Thuần vào ngày 30 tháng 9 năm 2019;

C là Quyền sở hữu Thiểu số vào ngày 30 tháng 9 năm 2019;

với điều kiện tích số của (A-B-C) ở mức trần 561 tỷ VND;

D là số lượng Cổ phần Phổ thông của Công ty đang lưu hành vào Ngày Mua Cổ phần trên Cơ sở Pha loãng Hoàn toàn,

và đã được Kiểm toán viên hoặc một kiểm toán viên độc lập khác xác nhận, trong từng trường hợp được Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại chấp nhận. Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần sẽ được điều chỉnh theo Mục 5.2 trong Phụ lục 2 này;

"**Tỷ lệ Chuyển đổi**" nghĩa là tỷ lệ có được bằng cách lấy Giá Mua Cổ phần chia cho Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần áp dụng vào thời điểm đó;

"**Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại Chuyển đổi**" có nghĩa được quy định tại Mục 4.2(b) trong Phụ lục 2 này;

"**Cổ phần Chuyển đổi**" nghĩa là Cổ phần Phổ thông đã được thanh toán đủ được phát hành, hoặc sẽ được phát hành, cho Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại khi Chuyển đổi căn cứ theo Thông báo Chuyển đổi;

"**Ngày Giải quyết Chuyển đổi**" nghĩa là ngày nêu cụ thể trong Thông báo Chuyển đổi Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại nêu cụ thể trong Thông báo Chuyển đổi được Chuyển đổi thành Cổ phần Chuyển đổi theo Điều lệ này là ngày cách ít nhất 30 Ngày Làm việc sau khi gửi Thông báo Chuyển đổi liên quan hoặc ngày khác đã được thỏa thuận giữa Công ty và Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại;

"**Khoản phân chia**" nghĩa là: (a) việc chuyển tiền mặt hay tài sản khác mà không phải thanh toán, cho dù bằng cổ tức hay cách thức khác, do Công ty hoặc một Công ty con của Công ty phân chia liên quan đến bất kỳ loại Chứng khoán Vốn nào; hoặc (b) việc mua hay mua lại Chứng khoán Vốn bằng tiền mặt hay tài sản, ngoại trừ, đối với Công ty, việc mua lại Chứng khoán Vốn của Công ty đã phát hành cho hay thuộc sở hữu của người lao động, viên chức, giám đốc hoặc bên tư vấn của Công ty hay các Công ty con của Công ty sau khi họ chấm dứt việc làm căn cứ theo kế hoạch cổ phần cho người lao động được Hội đồng Quản trị thông qua;

"**Chứng khoán Vốn**" của một công ty nghĩa là cổ phần phổ thông, cổ phần ưu đãi, trái phiếu, khoản vay, chứng quyền, quyền, quyền chọn hoặc các công cụ hay chứng khoán tương tự khác của công ty đó mà có thể chuyển đổi thành hoặc có thể thực hiện hoặc trao đổi lấy, hoặc có quyền đăng ký mua hoặc mua cổ phần hay chứng khoán khác của công ty đó hoặc bất kỳ công cụ hay chứng chỉ nào thể hiện lợi ích sở hữu thụ hưởng trong cổ phần hoặc chứng khoán khác của công ty đó, bao gồm cả chứng chỉ lưu ký toàn cầu và chứng chỉ lưu ký Mỹ và bất kỳ chứng khoán nào khác do công ty đó phát hành, ngay cả khi không thể chuyển đổi thành cổ phần, mà thu được giá trị và/hoặc lợi nhuận căn cứ vào hiệu quả tài chính của công ty đó hoặc cổ phần của công ty đó;

"**Sự kiện Vi phạm**" có nghĩa được quy định trong Hợp đồng Mua Cổ phần;

"**Nợ Tài chính**" đối với một Người nghĩa là:

- i. bất kỳ khoản nợ nào của Người đó đối với hoặc liên quan đến tiền vay;
- ii. số tiền gốc chưa thanh toán của các trái phiếu, kỳ phiếu nhận nợ, chứng chỉ, cổ phiếu vay nợ, thương phiếu, thư tín dụng chấp nhận, hối phiếu hay lệnh phiếu đã được ký phát, chấp nhận, ký hậu hoặc phát hành bởi Người đó;

- iii. bất kỳ khoản nợ nào của Người đó đối với hoặc liên quan đến giá mua trả chậm của tài sản hoặc dịch vụ (trừ các khoản thương mại phát sinh và phải trả trong quá trình kinh doanh thông thường cho bên bán/nhà cung cấp của Người đó trong vòng 90 ngày kể từ ngày các khoản đó phát sinh và không quá hạn);
- iv. các nghĩa vụ không phụ thuộc của Người đó trong việc hoàn trả cho bất kỳ Người nào khác các khoản tiền mà Người đó phải trả theo một thư tín dụng hay công cụ tương tự (không bao gồm bất kỳ thư tín dụng hay công cụ tương tự nào được phát hành vì lợi ích của Người đó liên quan đến các khoản thương mại phát sinh và phải trả trong quá trình kinh doanh thông thường cho bên bán/nhà cung cấp của Người đó trong vòng 90 ngày kể từ ngày các khoản đó phát sinh và không quá hạn);
- v. khoản tiền của bất kỳ nghĩa vụ nào của Người đó liên quan đến bất kỳ Hợp đồng Thuê Tài chính nào;
- vi. các khoản tiền được Người đó huy động theo bất kỳ giao dịch nào khác có ảnh hưởng tài chính của một khoản vay và sẽ được phân loại là khoản vay (chứ không phải là một khoản cấp vốn ngoài bảng cân đối kế toán) theo Chuẩn mực Kế toán;
- vii. khoản tiền trong các nghĩa vụ của Người đó theo các giao dịch phái sinh được thực hiện liên quan đến việc bảo vệ đối với hoặc lợi ích từ sự biến động về bất kỳ chỉ số hay giá cả nào (nhưng chỉ là số tiền thuần mà Người đó nợ sau khi quyết toán lãi lỗ do thay đổi giá trị thị trường đối với các giao dịch phái sinh liên quan);
- viii. mọi khoản nợ thuộc các loại được mô tả trong các mục trên được bảo đảm bằng một Quyền cầm giữ đối với bất kỳ tài sản nào thuộc sở hữu của Người đó, cho dù khoản nợ đó có phải là khoản nợ của Người đó hay không;
- ix. tất cả các nghĩa vụ của Người đó trong việc thanh toán một giá mua cụ thể cho hàng hóa và dịch vụ, dù đã được giao hoặc được chấp nhận hay không (nghĩa là nhận hoặc thanh toán hoặc các nghĩa vụ tương tự);
- x. nghĩa vụ hay khoản phải trả của Người đó liên quan đến các khoản hay thương phiếu phải thu mà Người đó đã bán, bất kỳ trách nhiệm nào của Người đó theo các giao dịch bán và cho thuê lại mà không tạo ra một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán của Người đó, bất kỳ nghĩa vụ nào theo một "hợp đồng thuê tổng hợp" hoặc bất kỳ nghĩa vụ nào phát sinh liên quan đến bất kỳ giao dịch nào khác mà tương đương về chức năng của hoặc thay thế cho việc đi vay nhưng không cấu thành một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán của Người đó;
- xi. khoản tiền của bất kỳ nghĩa vụ nào liên quan đến bất kỳ bảo lãnh hay bồi hoàn nào do Người đó đưa ra đối với bất kỳ mục nào nêu trên mà bất kỳ Người nào khác phải chịu; và

xii. bất kỳ khoản chênh lệch cao hơn mệnh giá nào mà Người đó phải trả khi có trường hợp mua lại bắt buộc; hoặc

xiii. việc thay thế bất kỳ mục nào nêu trên;

"**Hợp đồng Thuê Tài chính**" nghĩa là bất kỳ hợp đồng thuê hoặc thuê mua nào mà, theo Chuẩn mực Kế toán, được xem là hợp đồng thuê tài chính hoặc thuê tài sản vốn;

"**Đợt Phát hành Mới**" có nghĩa được quy định tại Mục 5.3(a) trong Phụ lục 2 này;

"**Cổ phần trong Đợt Phát hành Mới**" nghĩa là số lượng bằng với (i) kết quả của (A) số lượng Chứng khoán Mới tối đa mà Công ty sẽ phát hành theo Đợt Phát hành Mới đó và (B) số lượng Cổ phần Phổ thông mà Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại sẽ có nếu Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại Chuyển đổi Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại của mình vào ngày khóa sổ của một Đợt Phát hành Mới liên quan theo Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần áp dụng khi đó, chia cho (ii) tổng số Cổ phần Phổ thông đang lưu hành của Công ty trước Đợt Phát hành Mới cộng với số lượng Cổ phần Phổ thông mà Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại sẽ có nếu Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại Chuyển đổi Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại của mình vào ngày khóa sổ của một Đợt Phát hành Mới liên quan theo Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần áp dụng khi đó;

"**Cơ sở Pha loãng Hoàn toàn**" nghĩa là số lượng Cổ phần Phổ thông của Công ty, được tính như thể tất cả Chứng khoán Vốn đang lưu hành khi đó, mà có thể chuyển đổi thành, hoặc có thể thực hiện hoặc trao đổi lấy Cổ phần Phổ thông của Công ty được chuyển đổi, thực hiện hoặc trao đổi toàn bộ;

"**HSX**" nghĩa là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;

"**Thông báo Phát hành**" có nghĩa được quy định tại Mục 5.3(c) trong Phụ lục 2 này;

"**Cổ phần Chuyển đổi đã Phát hành**" có nghĩa được quy định tại Mục 4.2(g) trong Phụ lục 2 này;

"**IRR**" nghĩa là tỷ suất hoàn vốn nội bộ có tỷ lệ phần trăm xác định mỗi năm trên khoản đầu tư của Người đăng ký Mua vào Công ty bằng cách Đăng ký mua Cổ phần Đăng ký Mua được tính từ Ngày Mua Cổ phần, và được cộng gộp hàng năm, có tính đến cả thời gian và số tiền của: (a) Số tiền Mua Cổ phần; (b) Phí Thẩm định Hàng năm; (c) các khoản thanh toán cổ tức bằng tiền mặt (mà, để tránh hiểu nhầm, không bao gồm bất kỳ cổ tức trả bằng cổ phần, cổ phiếu, quyền chọn hoặc cổ tức trả bằng hiện vật khác ngoài tiền mặt) mà, trong trường hợp (b) và (c), chỉ khi Người đăng ký Mua thực sự nhận được, nhưng không bao gồm bất kỳ khoản phí nào phải trả theo Tài liệu Giao dịch.

Để tránh nhầm lẫn, IRR sẽ là giá trị đầu ra có được bằng cách sử dụng hàm 'Goal Seek' trong Microsoft Excel, trong đó: (i) các dòng tiền và ngày của dòng tiền nêu trong câu liền trước sẽ là giá trị đầu vào trong bảng tính; và (ii) dòng tiền thuần Người đăng ký Mua thu vào sẽ là giá trị đầu vào dương và dòng tiền chi ra từ Người đăng ký Mua sẽ là giá trị đầu vào âm trong bảng tính;

"**Quyền cầm giữ**" nghĩa là thế chấp, quyền cầm giữ, cầm cố, bảo đảm, chuyển nhượng, thế nợ, biện pháp bảo đảm, ràng buộc, nắm giữ quyền sở hữu, quyền ưu đãi, quyền chọn (bao gồm cả cam kết mua), quyền đòi đòi nghịch, thỏa thuận tín thác, quyền bù trừ, phân tố hoặc quyền cầm giữ, đặc quyền hay quyền ưu

tiên của ngân hàng thuộc bất kỳ loại nào có hiệu lực bảo đảm, thỏa ước hạn chế, điều kiện hay hạn chế dưới bất kỳ hình thức nào, bao gồm cả mọi hạn chế về biểu quyết, chuyển nhượng, nhận thu nhập hoặc việc thực hiện khác đối với bất kỳ thuộc tính nào của quyền sở hữu;

"**Kiểm tra Thanh khoản**" nghĩa là việc kiểm tra sẽ do Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại hoặc (những) người đại diện hay (những) người được ủy quyền của Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại thực hiện ba (3) lần mỗi sáu (6) tháng kể từ Ngày đăng ký Mua cho đến ngày tròn năm thứ 7 của Ngày đăng ký Mua. Công ty được xem là đã vượt qua việc Kiểm tra Thanh khoản nếu tất cả các tiêu chí sau được đáp ứng trong bất cứ ba (3) kỳ 6 tháng liên tiếp nào kết thúc vào hoặc trước ngày tròn năm thứ 7 của Ngày đăng ký Mua:

- i. toàn bộ Chứng khoán Vốn (trừ Cổ phần Phổ thông) do Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại nắm giữ có thể được chuyển đổi, thực hiện hay trao đổi ngay thành Cổ phần Phổ thông và tất cả các Cổ phần Phổ thông do Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại nắm giữ trên cơ sở được chuyển đổi có thể được giao dịch mà không bị hạn chế trên HSX;
- ii. khối lượng giao dịch hàng ngày trung bình (không bao gồm giao dịch trực tiếp hay gián tiếp của bất kỳ Cổ đông Chính nào, Công ty và các Bên liên kết của Công ty và các Cổ đông Chính) của Cổ phần Phổ thông được giao dịch trên HSX trong thời gian 6 tháng liền trước không ít hơn (A) 4 lần tổng số Cổ phần Phổ thông mà Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại sẽ có nếu Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại Chuyển đổi Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại của mình thành Cổ phần Phổ thông theo Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần áp dụng khi đó vào ngày thực hiện Kiểm tra Thanh khoản, chia cho (B) số ngày giao dịch trong thời gian hai (2) tháng liền trước; và
- iii. giá bán hàng ngày bình quân gia quyền mỗi Cổ phần Phổ thông (không bao gồm giao dịch trực tiếp hay gián tiếp của bất kỳ Cổ đông Chính nào, Công ty và các Bên liên kết của Công ty và các Cổ đông Chính) được giao dịch trên HSX trong thời gian 6 tháng liền trước không ít hơn giá mỗi Cổ phần Phổ thông mà sẽ mang lại cho Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại IRR hai mươi tư phẩy năm phần trăm (24.5%);

"các Cổ đông Chính" nghĩa là các Cổ đông, ngoại trừ Người đăng ký Mua, là các bên tham gia Thỏa thuận Cổ đông;

"Giá Thị trường mỗi Cổ phần" vào một ngày nghĩa là mức giá bình quân gia quyền của Cổ phần Phổ thông được giao dịch trên HSX (hoặc bất kỳ sở giao dịch chứng khoán nào khác mà Cổ phần Phổ thông khi đó được giao dịch trên đó) trong thời gian 30 ngày giao dịch kết thúc vào ngày ngay trước ngày đó. Nhằm mục đích tính con số này, sẽ không được tính đến bất kỳ giao dịch trực tiếp hay gián tiếp nào của bất kỳ Cổ đông Chính nào, Công ty và các Bên liên kết của Công ty và các Cổ đông Chính;

"Khoản thanh toán Hàng năm Tối thiểu" có nghĩa được quy định tại Mục 5.2(a)(vi) trong Phụ lục 2 này;

"Quyền sở hữu Thiểu số" nghĩa là tổng giá trị của quyền sở hữu thiểu số được nắm giữ bởi những Người không phải là Công ty trong các Công ty con của Công ty có báo cáo kế toán được hợp nhất với báo cáo kế toán của Công ty trên Cơ sở Hợp nhất như được trình bày trong các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty;

"Nợ Thuần" nghĩa là, liên quan đến Công ty vào từng thời điểm, tổng Nợ Tài chính của Công ty trừ đi tổng tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty, trong từng trường hợp, vào ngày cuối cùng của Kỳ Liên quan liền trước thời gian có liên quan, như được nêu trong các báo cáo tài chính thường niên hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho Kỳ Liên quan đó;

"Chứng khoán Mới" nghĩa là Cổ phần hoặc Chứng khoán Vốn khác của Công ty; với điều kiện thuật ngữ "Chứng khoán Mới" không bao gồm:

- i. Cổ phần Phổ thông (hoặc quyền chọn mua Cổ phần Phổ thông) được phát hành hoặc có thể phát hành cho các viên chức, giám đốc và người lao động của, hoặc các bên tư vấn cho, Công ty căn cứ theo một Kế hoạch Cổ phần cho Người lao động được Cho phép;
- ii. Cổ phần hay Chứng khoán Vốn khác của Công ty được phát hành khi thực hiện hoặc chuyển đổi Chứng khoán Vốn của Công ty phát hành trước Ngày Mua Cổ phần;
- iii. Cổ phần hay Chứng khoán Vốn khác của Công ty được phát hành làm cổ tức hoặc khoản phân chia trên bất kỳ Cổ phần ưu đãi nào của Công ty; và
- iv. Cổ phần Phổ thông phát hành cho Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại khi Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại thực hiện quyền đăng ký mua Chứng khoán Mới;

"Ngày Thông báo" có nghĩa được quy định tại Mục 5.3(c) trong Phụ lục 2 này;

"Đề nghị" có nghĩa được quy định tại Mục 5.2(a)(v) trong Phụ lục 2 này;

"Kế hoạch Cổ phần cho Người lao động được Cho phép" nghĩa là một kế hoạch cổ phần cho người lao động của Công ty đáp ứng tất cả các tiêu chí sau:

- i. tổng số Cổ phần được phát hành theo kế hoạch cổ phần cho người lao động đó dựa trên Tỷ lệ Tăng trưởng Hàng năm Kép của Công ty trong giai đoạn từ 2018 đến 2022 như được trình bày trong bảng dưới đây, và tổng số Cổ phần được phát hành hoặc có thể phát hành theo tất cả các kế hoạch cổ phần cho người lao động của Công ty (bao gồm cả Kế hoạch Cổ phần cho Người lao động được Cho phép) sẽ không vượt quá tỷ lệ phần trăm của tổng số Cổ phần Phổ thông của Công ty trên Cơ sở Pha loãng Hoàn toàn vào Ngày Mua Cổ phần như được trình bày trong bảng dưới đây:

Tỷ lệ Tăng trưởng Hàng năm Kép của Lợi nhuận Ròng Sau Thuế của Công ty (2018-22)	<25%	>=25%, <45%	>=45%, <65%	>=65%
--	------	----------------	----------------	-------

Tỷ lệ phần trăm tối đa của tổng số Cổ phần Phổ thông được phát hành hoặc có thể phát hành theo tất cả các kế hoạch cổ phần cho người lao động của Công ty (bao gồm cả Kế hoạch Cổ phần cho Người lao động được Cho phép) trên tổng số Cổ phần Phổ thông của Công ty trên Cơ sở Pha loãng Hoàn toàn vào Ngày Mua Cổ phần	3%	4.5%	9%	15%
---	----	------	----	-----

- ii. Cổ phần Phổ thông có thể phát hành theo kế hoạch cổ phần cho người lao động đó phải tuân thủ thời gian chuyển quyền ba (3) năm; và
- iii. giá mỗi Cổ phần Phổ thông của các Cổ phần Phổ thông được phát hành theo kế hoạch cổ phần cho người lao động đó không được thấp hơn mức nào cao hơn trong các mức sau: (i) 80% Giá Thị trường mỗi Cổ phần vào ngày ngay sau ngày phát hành Cổ phần đó, (ii) Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần áp dụng vào ngày phát hành Cổ phần đó nhân với X, trong đó X là (A) không (0) đối với một đợt phát hành tối đa 3% Cổ phần đang lưu hành vào bất kỳ thời điểm nào; (B) một (1) đối với các đợt phát hành bổ sung (vượt quá 3% đó) diễn ra vào và trước ngày 31 tháng 12 năm 2019; (C) 1,15 đối với các đợt phát hành bổ sung (vượt quá 3% đó) diễn ra từ ngày 1 tháng 1 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, (D) 1,35 đối với các đợt phát hành bổ sung (vượt quá 3% đó) diễn ra từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021; và (E) 1,5 đối với các đợt phát hành bổ sung diễn ra sau ngày 1 tháng 1 năm 2022.

"**Người**" nghĩa là bất kỳ cá nhân, tập đoàn, công ty, công ty hợp danh, hãng, hiệp hội tự nguyện, liên doanh, quỹ tín thác, tổ chức không có tư cách pháp nhân, Cơ quan có Thẩm quyền hoặc bất kỳ đơn vị nào khác cho dù hành động với tư cách cá nhân, tín thác hoặc tư cách khác;

"**Sự kiện Vi phạm Tiềm tàng**" nghĩa là bất kỳ sự kiện hay tình huống nào mà với thông báo, thời gian trôi qua, đưa ra quyết định hoặc bất kỳ sự kết hợp nào của những yếu tố trên, sẽ trở thành một Sự kiện Vi phạm;

"**Giá Hoàn lại**" nghĩa là số tiền trên mỗi Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại bằng VNĐ bằng với (i) số tiền mang lại cho Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại IRR mười chín phẩy năm phần trăm (19.5%) trên Số tiền Mua Cổ phần, khi (ii) chia cho số lượng Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại đang lưu hành;

"**Kỳ Liên quan**" nghĩa là mỗi kỳ mười hai (12) tháng kết thúc vào ngày cuối cùng trong Năm Tài chính của Công ty;

"**Khoản Thanh toán Hạn chế**" liên quan đến bất kỳ Người nào nghĩa là (i) công bố hoặc thanh toán cổ tức, phân chia hoặc trả lại vốn cổ phần cho các cổ đông, đối tác hoặc thành viên của Người đó hoặc chấp thuận hoặc thực hiện bất kỳ việc phân chia, thanh toán hoặc giao tài sản nào khác (không phải là cổ phần

phổ thông của Người đó) hoặc tiền cho các cổ đông, đối tác hoặc thành viên của Người đó trong tư cách của họ, hoặc (ii) mua lại, thu hồi, mua hoặc mua lại khác, hoặc cho phép bất kỳ Công ty con nào mua lại, thu hồi, mua hoặc mua lại khác, trực tiếp hoặc gián tiếp, bất kỳ loại cổ phần nào trong vốn cổ phần của mình đang lưu hành vào hoặc sau ngày Hợp đồng Mua Cổ phần (hoặc bất kỳ quyền chọn hoặc chứng quyền nào được phát hành bởi Người đó liên quan đến vốn cổ phần của mình), hoặc dành bất kỳ khoản tiền nào cho bất kỳ mục đích nào nêu trên, hoặc (iii) thực hiện bất kỳ thanh toán nào dưới bất kỳ hình thức nào đối với hoặc liên quan đến Nợ Tài chính thứ cấp được nắm giữ bởi bất kỳ Bên liên kết nào của Người đó. Không giới hạn những điều đã nêu trên, Thanh toán Hạn chế, đối với bất kỳ Người nào cũng sẽ bao gồm tất cả các khoản thanh toán mà Người đó thực hiện hoặc buộc phải thực hiện liên quan đến bất kỳ quyền nâng giá trị cổ phần nào, kế hoạch, ưu đãi vốn cổ phần hoặc kế hoạch chi tiêu hoặc bất kỳ kế hoạch tương tự nào hoặc dành bất kỳ khoản tiền nào cho các mục đích nêu trên;

"**Thỏa thuận Cổ đông**" nghĩa là Thỏa Thuận Cổ Đông giữa Người đăng ký Mua, Người tài trợ và các Cổ đông Chính;

"**Cổ phần Chuyển đổi Thiểu hụt**" có ý nghĩa được quy định tại Mục 4.2(g) trong Phụ lục 2 này;

"**Cổ tức Tiền mặt Đặc biệt**", liên quan đến một Năm Tài chính, là Khoản Thanh toán Hạn chế hoặc một loạt các Khoản Thanh toán Hạn chế, mà tổng giá trị danh nghĩa mỗi Cổ phần liên quan cao hơn kết quả của (A) khoản thanh toán Phí Thảm định Hàng năm thường niên cho Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại, chia cho (B) số lượng Cổ phần Phổ thông mà Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại có nếu Cổ đông đó dự kiến Chuyển đổi Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại của mình vào ngày khóa sổ đối với Khoản Thanh toán Hạn chế hoặc, nếu không có ngày khóa sổ như vậy, vào ngày thực hiện Khoản Thanh toán Hạn chế, theo Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần được áp dụng vào thời điểm đó;

"**Sự kiện Hoàn lại Đặc biệt**" có nghĩa được quy định tại Mục 6.1 trong Phụ lục 2 này;

"**Giá Hoàn lại Đặc biệt**" nghĩa là giá bằng VNĐ của mỗi Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại bằng số tiền nào cao hơn sau đây:

- i. Giá Thị trường mỗi Cổ phần vào ngày xảy ra Sự kiện Hoàn lại Đặc biệt liên quan, nhân với số lượng Cổ phần Phổ thông mà Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại sẽ có nếu Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại Chuyển đổi Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại của mình thành Cổ phần Phổ thông theo Giá Chuyển đổi mỗi Cổ Phần áp dụng vào ngày xảy ra Sự kiện Hoàn lại Đặc biệt; và
- ii. số tiền bằng với khoản tiền để Người đăng ký Mua nhận được IRR hai mươi một phẩy năm phần trăm (21.5%) trên Số tiền Mua Cổ phần, chia cho số lượng Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại đang lưu hành;

"**Người tài trợ**" nghĩa là ông Nguyen Manh Hung, một cá nhân người Việt Nam, có chứng minh nhân dân số 182134923 do Công an Tỉnh Nghệ An cấp ngày 19 tháng 9 năm 2007;

"**Người đăng ký Mua**" nghĩa là một Người đăng ký mua một số lượng Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại nhất định trong Công ty theo một Hợp đồng Mua Cổ phần;

"**Số tiền Mua Cổ phần**" nghĩa là tổng Giá Mua Cổ phần đối với tất cả các Cổ phần Đăng ký Mua;

"**Ngày Mua Cổ phần**" nghĩa là ngày Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại được phát hành và mua theo một Hợp đồng Mua Cổ phần;

"**Thông báo Mua Cổ phần**" có nghĩa được quy định tại Mục 5.3(c) trong Phụ lục 2 này;

"**Giá Mua Cổ phần**" nghĩa là giá một Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại được đăng ký mua theo một Hợp đồng Mua Cổ phần;

"**Cổ phần Đăng ký Mua**" nghĩa là Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại được đăng ký mua theo một Hợp đồng Mua Cổ phần;

"**Hợp đồng Mua Cổ phần**" nghĩa là hợp đồng mua cổ phần giữa Công ty và một Người đăng ký Mua, theo đó Người đăng ký Mua đăng ký mua, và Công ty phát hành, một số lượng Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại nhất định trong Công ty như được nêu trong đó;

"**Tài liệu Giao dịch**" có nghĩa được quy định trong Hợp đồng Mua Cổ phần;

"**Chuyển nhượng**" nghĩa là chuyển giao, bán, chuyển lại, chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp, xác lập biện pháp bảo đảm trong hoặc Quyền cầm giữ đối với, ủy thác (việc biểu quyết hoặc điều gì khác), chuyển nhượng theo quy định pháp luật hoặc theo bất kỳ cách nào khác phải chịu bất kỳ ràng buộc nào hoặc định đoạt, tự nguyện hay không tự nguyện, và "**thực hiện Chuyển nhượng**" và "**được Chuyển nhượng**" có ý nghĩa tương ứng;

"**Thông báo Chuyển nhượng**" có nghĩa được quy định trong Thỏa thuận Cổ đông; và

"**Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại Chưa chuyển đổi**" có nghĩa được quy định tại Mục 4.2(f) trong Phụ lục 2 này.

II. Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại

Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại được quy định tại Phụ lục 2 này.

1. Khả năng Chuyển nhượng Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại

Phụ thuộc vào quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần theo Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành (nếu có), Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại được tự do chuyển nhượng.

2. Cổ tức và Các Khoản phân chia

Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại có quyền nhận cổ tức và các khoản phân chia của Công ty theo cùng tỷ lệ như Cổ đông Phổ thông, với điều kiện là Công ty thực hiện thanh toán cổ tức hoặc khoản phân chia cho từng Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại trước khi thanh toán cổ tức cho bất kỳ Cổ đông Phổ thông nào.

3. Ưu đãi Thanh lý

Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại sẽ có quyền hưởng thanh toán ưu đãi thanh lý, tại thời điểm và với số tiền quy định cụ thể tại Điều VII của Hợp đồng Mua Cổ phần

4. Chuyển đổi Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại

4.1 Quyền chọn Chuyển đổi

a. Phụ thuộc vào quy định của Điều lệ này và Hợp đồng Mua Cổ phần, mỗi Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại tại bất kỳ thời điểm nào và vào từng thời điểm (i) trong Thời hạn Chuyển đổi, hoặc (ii) sau khi gửi Thông báo Chuyển nhượng, sẽ có quyền chuyển đổi toàn bộ hoặc bất kỳ Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại sang Cổ phần Phổ thông theo Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần, mà Cổ phần Phổ thông, khi được phát hành và giao theo cách thức được dự liệu theo Điều lệ:

- i. sẽ được phát hành một cách hợp lệ và có giá trị pháp lý, được thanh toán đầy đủ và không phải góp thêm;
- ii. được xếp ngang hàng và có cùng các quyền và đặc quyền về mọi mặt như Cổ phần Phổ thông khác của Công ty và được hưởng mọi khoản cổ tức và phân chia khác được công bố, trả hoặc thanh toán; và
- iii. sẽ được tự do chuyển nhượng và không bị phụ thuộc vào bất kỳ Quyền cầm giữ, bảo đảm hoặc ràng buộc hoặc quyền khác (kể cả quyền ưu tiên mua trước) của bên thứ ba và Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại không bị yêu cầu góp thêm vốn hoặc thực hiện bất kỳ thanh toán nào để chuyển đổi Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại.

b. Nếu số Cổ phần Phổ thông được phát hành cho Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại theo Chuyển đổi đáng ra bao gồm cả phần lẻ của Cổ phần Phổ thông, thì số Cổ phần Phổ thông được phát hành sẽ được làm tròn tăng tới số nguyên gần nhất của Cổ phần Phổ thông.

c. Cho dù có Mục 4.1(a) trên, nếu (a) Công ty không thanh toán đầy đủ đối với một Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại đã được yêu cầu hoàn lại vào ngày ấn định hoàn lại; hoặc (b) bất kỳ Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại nào không được hoàn lại theo Điều lệ này hoặc Hợp đồng Mua Cổ phần, thì Quyền chọn Chuyển đổi sẽ tái tục và/hoặc tiếp tục được thực hiện cho tới, và bao gồm cả, ngày Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại có liên quan nhận được hợp lệ đủ số tiền phải trả đối với Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại đó và, cho dù có quy định của Mục 4.1(a) trên, số Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại sẽ được chuyển đổi theo Thông báo Chuyển đổi đã được gửi trước ngày nhận đủ số tiền nêu trên sẽ vẫn được chuyển đổi vào Ngày Giải quyết Chuyển đổi có liên quan cho dù Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại đã nhận được đủ số tiền phải trả đối với Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại trước Ngày Giải quyết Chuyển đổi đó hoặc Thời hạn Chuyển đổi có thể đã kết thúc trước Ngày Giải quyết Chuyển đổi đó.

4.2 Thông báo Chuyển đổi

- a. Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại được toàn quyền thực hiện Quyền chọn Chuyển đổi vào bất kỳ thời điểm nào theo Mục 4.1(a) trên sau khi gửi Thông báo Chuyển đổi cho Công ty, như quy định dưới đây. Để tránh nhầm lẫn, việc một Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại gửi Thông báo Chuyển đổi cho Công ty sẽ cho phép Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại đó được Chuyển đổi Số lượng Chuyển đổi nêu trong Thông báo Chuyển đổi cho dù Ngày Giải quyết Chuyển đổi xảy ra sau khi kết thúc Thời hạn Chuyển đổi.
- b. Mỗi Thông báo Chuyển đổi được Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại gửi theo Điều lệ này sẽ quy định cụ thể:
- i. số Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại được chuyển đổi sang Cổ phần Chuyển đổi ("**Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại Chuyển đổi**");
 - ii. Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần;
 - iii. Tỷ lệ Chuyển đổi;
 - iv. tính toán điều chỉnh Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần theo Điều 5.2 dưới đây;
 - v. số Cổ phần Chuyển đổi được phát hành cho Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại dựa trên Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần;
 - vi. cổ phần theo tỷ lệ phần trăm trong Công ty được đại diện theo số Cổ phần Chuyển đổi nêu tại Mục 4.2(b)(v);
 - vii. tên Cổ phần Chuyển đổi đó được đăng ký trong Sổ đăng ký Cổ đông của Công ty hoặc sổ sách hoặc hồ sơ khác chứng minh quyền sở hữu Cổ phần Chuyển đổi do Công ty phát hành, và tài khoản chứng khoán/tài khoản lưu ký của Người sẽ được ghi nhận là chủ sở hữu Cổ phần Chuyển đổi;
 - viii. số Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại còn lại sau khi Chuyển đổi;
 - ix. số tiền phải trả cho Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại vào Ngày Giải quyết Chuyển đổi đối với việc Chuyển đổi là đối tượng theo Thông báo Chuyển đổi, bao gồm:
 - A. toàn bộ cổ tức đã công bố nhưng chưa trả đối với Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại được Chuyển đổi theo Thông báo Chuyển đổi, và Phí Thẩm định Hàng năm phát sinh nhưng chưa trả cho tới Ngày Giải quyết Chuyển đổi; và
 - B. số tiền phí và các khoản tiền khác mà Công ty phải trả theo Hợp đồng Mua Cổ phần đối với việc Chuyển đổi theo Thông báo Chuyển đổi;
 - x. Ngày Giải quyết Chuyển đổi; và
 - xi. ngày Thông báo Chuyển đổi.
- Thông báo Chuyển đổi phải đính kèm bản sao Thông báo Chuyển nhượng nếu việc gửi Thông báo Chuyển nhượng làm phát sinh việc Chuyển đổi theo Thỏa thuận Cổ đông.

- c. Thông tin được Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại nêu cụ thể trong Thông báo Chuyển đổi sẽ là cuối cùng và có tính quyết định và ràng buộc Công ty trừ khi Công ty chứng minh thỏa đáng với Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại rằng thông tin đó có lỗi rõ ràng.
- d. Tại bất kỳ thời điểm nào trong Thời hạn Chuyển đổi, Công ty sẽ nhanh chóng cung cấp cho mỗi Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại mọi thông tin theo yêu cầu hợp lý của (các) Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại liên quan đến Công ty, các Công ty Con của Công ty và hoạt động kinh doanh của Công ty và của các công ty con đó để Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại có thể tiến hành rà soát tổng thể về việc xem xét Chuyển đổi, và Công ty sẽ cho phép mỗi Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại tiếp cận các cơ sở và nhân viên của Công ty theo đề nghị hợp lý của Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại cho mục đích đó.
- e. Ngay sau khi nhận được Thông báo Chuyển đổi, Công ty sẽ thực hiện mọi hành động cần thiết để bảo đảm rằng Cổ phần Chuyển đổi sẽ được phát hành cho Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại có liên quan hoặc người được chỉ định của Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại đó vào Ngày Giải quyết Chuyển đổi.
- f. Nếu Tỷ lệ Chuyển đổi nhỏ hơn 1,0, và nếu Luật Áp Dụng có yêu cầu để thực hiện việc Chuyển đổi có hiệu lực, Công ty sẽ chuyển đổi số Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại ("**Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại Có thể Chuyển đổi**") bằng số Cổ phần Chuyển đổi nếu số Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại Chuyển đổi nêu trong Thông báo Chuyển đổi được Chuyển đổi thành Cổ phần Chuyển đổi theo Tỷ lệ Chuyển đổi (sao cho tỷ lệ chuyển đổi thực tế sẽ là 1,0). Sau Ngày Giải quyết Chuyển đổi (và với điều kiện là việc Chuyển đổi được hoàn tất đáp ứng yêu cầu của Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại):
- i. Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại sẽ trao cho Công ty quyền chọn mua lại số chênh lệch giữa Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại Chuyển đổi và Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại Có thể Chuyển đổi ("**Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại Chưa chuyển đổi**") với khoản thanh toán bằng không; và
 - ii. cho tới khi Công ty mua lại Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại Chưa chuyển đổi theo Điều 4.2(f)(i) trên, Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại có liên quan sẽ từ bỏ các quyền của mình liên quan đến Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại Chưa chuyển đổi đó.
- g. Nếu Tỷ lệ Chuyển đổi lớn hơn 1,0, Công ty sẽ phát hành cho Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại số lượng tối đa Cổ phần Chuyển đổi mà Công ty được phép phát hành theo Luật Áp dụng ("**Cổ phần Chuyển đổi đã Phát hành**"), bằng việc sử dụng toàn bộ khoản tiền có sẵn của Công ty. Trong trường hợp số Cổ phần Chuyển đổi nêu trong Thông báo Chuyển đổi lớn hơn Cổ phần Chuyển đổi đã Phát hành (số chênh lệch là "**Cổ phần Chuyển đổi Thiếu hụt**"), Công ty sẽ thanh toán bằng tiền cho Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại số tiền bằng với số tiền lớn hơn của (i) Giá Thị trường mỗi Cổ phần vào ngày Thông báo Chuyển đổi

nhân với số Cổ phần Chuyển đổi Thiếu hụt; hoặc (ii) số tiền đem lại cho Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại IRR bằng 21.5% của phần Số tiền Mua Cổ phần tương ứng với Cổ phần Chuyển đổi Thiếu hụt, số tiền này là tích của Số tiền Mua Cổ phần nhân với phân số trong đó tử số là số Cổ phần Chuyển đổi Thiếu hụt và mẫu số là số Cổ Phần Phổ thông có thể được chuyển đổi từ toàn bộ Số tiền Mua Cổ phần theo Giá Chuyển đổi quy định cụ thể trong Thông báo Chuyển đổi.

4.3 Ngày Giải quyết Chuyển đổi

- a. Ngay sau khi nhận được Thông báo Chuyển đổi, Công ty sẽ bảo đảm hoàn thành mọi thủ tục, và yêu cầu cần thiết hoặc được yêu cầu (bao gồm các chấp thuận, và thông báo cho Cổ Đông của Công ty, HSX, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam và/hoặc các cơ quan quản lý có liên quan) cho mục đích Chuyển đổi vào Ngày Giải quyết Chuyển đổi và niêm yết Cổ phần Chuyển đổi trên HSX bao gồm, nhưng không giới hạn, (A) thông báo cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam về ý định chuyển đổi Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại, (B) chấp thuận của HSX cho niêm yết Cổ phần Chuyển đổi, và (C) đăng ký Cổ phần Chuyển đổi với Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam.
- b. Vào Ngày Giải quyết Chuyển đổi, Công ty sẽ:
 - i. giao cho Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại bản sao toàn bộ Phê duyệt và các từ bỏ cần thiết đối với việc Chuyển đổi Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại có liên quan;
 - ii. phát hành cho Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại Cổ phần Chuyển đổi, không bị phụ thuộc vào bất kỳ Quyền cầm giữ, bảo đảm hoặc ràng buộc khác hoặc quyền của bên thứ ba;
 - iii. cung cấp cho Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại bằng chứng thỏa mãn yêu cầu của Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại rằng:
 - A. Đại Hội Đồng Cổ Đông của Công ty đã chấp thuận tăng vốn điều lệ Công ty (nếu Tỷ lệ Chuyển đổi lớn hơn 1,0), phát hành Cổ phần Chuyển đổi cho Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại và sửa đổi Điều lệ Công ty để tuân thủ Luật Doanh nghiệp;
 - B. Cổ phần Chuyển đổi có liên quan đã được cho phép phát hành và được phát hành một cách hợp lệ và có giá trị pháp lý, và, sau khi phát hành cho Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại hoặc người được chỉ định của Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại theo yêu cầu của Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại, được mua, thanh toán đầy đủ và không phải góp thêm mà không cần bất kỳ Phê duyệt của bất kỳ Cơ quan có Thẩm quyền mà chưa xin được hợp lệ và kịp thời, và rằng mọi yêu cầu pháp lý khác liên quan đến Phê duyệt của cơ quan đó,

- việc ban hành và giao đã được thực hiện hợp lệ và toàn bộ Phê duyệt còn hiệu lực;
- C. Cổ phần Chuyển đổi được đăng ký, lưu ký cho và đăng ký đúng tên tổ chức lưu ký để ghi có vào tài khoản chứng khoán được chỉ định cho mục đích này trong Thông báo Chuyển đổi;
 - D. Cổ phần Chuyển đổi có liên quan được xếp *ngang hàng* với tất cả Cổ phần Phổ thông hiện hữu trong Công ty với tất cả các quyền quy định cụ thể trong Điều lệ này; và
 - E. Điều lệ này đã được sửa đổi để tuân thủ Luật Doanh nghiệp (nếu áp dụng);
- iv. thanh toán cho Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại bằng VND:
 - A. mọi khoản cổ tức đã công bố nhưng chưa trả đối với Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại được Chuyển đổi theo Thông báo Chuyển đổi, và Phí Thẩm định Hàng năm phát sinh nhưng chưa trả cho tới Ngày Giải quyết Chuyển đổi;
 - B. số tiền phí và các khoản tiền khác mà Công ty được yêu cầu trả theo Hợp đồng Mua Cổ phần và Điều lệ này đối với việc Chuyển đổi theo Thông báo Chuyển đổi;
 - v. hoàn trả cho Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại các khoản phí và lệ phí mà Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại đã chịu cho tới và bao gồm cả Ngày Giải quyết Chuyển đổi liên quan đến việc thực hiện Quyền chọn Chuyển đổi theo Thông báo Chuyển đổi;
 - vi. cung cấp cho Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại giấy chứng nhận của giám đốc tài chính của Công ty xác nhận các vấn đề nêu tại Mục 4.3(b)(iii) trên; và
 - vii. nếu có đề nghị, cung cấp cho Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại ý kiến pháp lý của luật sư tư vấn bên ngoài của Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại đó hoặc của Công ty vào hoặc trước Ngày Giải quyết Chuyển đổi xác nhận các vấn đề nêu tại Điều 4.3(b)(iii) trên.
- c. Chậm nhất vào lúc hết giờ làm việc của Ngày Giải quyết Chuyển đổi, Công ty sẽ phải giao mọi tài liệu, văn bản và bằng chứng mà Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại có thể đề nghị để đảm bảo rằng Công ty đã tuân thủ nghĩa vụ của mình theo Điều lệ này và Hợp đồng Mua Cổ phần đối với việc Chuyển đổi.
- 4.4 Chậm trễ hoặc Không Phát hành Cổ phần Chuyển đổi cho Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại**
- a. Nếu bất kỳ Phê duyệt của bất kỳ Cơ quan có Thẩm quyền nào đối với việc Chuyển đổi liên quan không xin được đáp ứng yêu cầu của Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại liên quan, mà không có bất kỳ điều khoản và điều kiện nào chưa được thỏa mãn hoặc thực hiện, vào

hoặc trước Ngày Giải quyết Chuyển đổi, thì, theo quyền quyết định của Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại, Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại có thể hoãn Ngày Giải quyết Chuyển đổi sang một ngày muộn hơn mà vào ngày đó toàn bộ Phê duyệt đáp ứng yêu cầu của Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại đã xin được và các điều khoản và điều kiện liên quan đến các Phê duyệt đó đã được thực hiện đầy đủ.

- b. Bất kể Mục 4.4(a) trên và không ảnh hưởng đến các quyền khác của Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại theo Tài liệu Giao dịch (kể cả theo Mục 6 dưới đây), nếu Công ty, vì bất kỳ lý do gì, không phát hành Cổ phần Chuyển đổi theo quy định tại Mục 4 này hoặc vì các lý do khác không thực hiện các nghĩa vụ khác theo Điều lệ này hoặc Hợp đồng Mua Cổ phần, thì việc không phát hành Cổ phần Chuyển đổi liên quan hoặc không thực hiện các nghĩa vụ khác sẽ cấu thành hành vi vi phạm nghĩa vụ của Công ty theo Hợp đồng Mua Cổ phần, và Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại sẽ có quyền thực hiện bất kỳ và tất cả các quyền hoặc các loại chế tài pháp lý hoặc công bình đối với Công ty có thể phát sinh cho Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại.

4.5 Cổ phần Chuyển đổi

Công ty sẽ:

- a. bảo đảm rằng Cổ phần Chuyển đổi không bị hạn chế chuyển nhượng (trừ các hạn chế theo quy định của Luật Áp dụng) và rằng toàn bộ quyền của Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại liên quan đến Cổ phần Chuyển đổi có thể được chuyển nhượng cho một bên mua Cổ phần Chuyển đổi; và
- b. trao quyền tiếp cận hợp lý tới các thành viên Hội đồng Quản trị, ban giám đốc và nhân viên và thông tin theo yêu cầu của các bên mua Cổ phần Chuyển đổi tiềm năng và mặt khác tạo điều kiện thuận lợi cho các giao dịch bán cổ phần của Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại.

4.6 Lệ phí Chứng thư, v.v.

Công ty phải nộp các khoản Thuế và các lệ phí về vốn, chứng thư, phát hành và đăng ký phát sinh khi Chuyển đổi.

5. Bảo vệ Chống lại Pha loãng

5.1 Cấm Xây ra Sự kiện Pha loãng

Trước khi Chuyển đổi toàn bộ Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại, trừ khi mỗi Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại đã đồng ý bằng văn bản, Công ty sẽ không:

- a. thực hiện bất kỳ hành động nội bộ nào có thể làm điều chỉnh hoặc thay đổi mệnh giá, hoặc giá trị, quyền, đặc quyền hoặc ưu đãi của bất kỳ Cổ phần hay Chứng khoán Vốn nào, chẳng hạn thực hiện chia tách hoặc hợp nhất cổ phần hoặc thanh toán cổ tức bằng cổ phần;

- b. cho phép hoặc phát hành Cổ phần hoặc Chứng khoán Vốn được ưu tiên hơn, hoặc xếp hạng cao hơn, Cổ phần Phổ thông;
- c. hủy niêm yết bất kỳ Cổ phần nào trên sở giao dịch chứng khoán; hoặc
- d. thực hiện các hành động khác bằng việc sửa đổi Điều lệ này hoặc thông qua sáp nhập, tổ chức lại, hợp nhất, bán vốn cổ phần hoặc tài sản, hoặc hành động khác mà có thể sửa đổi hoặc thay đổi các điều khoản của Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại hoặc Quyền chọn Chuyển đổi hoặc quyền của mỗi Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại theo các điều khoản đó hoặc dẫn đến việc pha loãng lợi ích của Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại trong vốn cổ phần của Công ty.

5.2 Điều chỉnh Giá Chuyển đổi

- a. Cho dù có bất kỳ quy định nào khác trong Điều lệ này, Hợp đồng Mua Cổ phần, và các Tài liệu Giao dịch khác, và phụ thuộc Mục 5.1 trên, Công ty và Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại công nhận và đồng ý rằng, khi xảy ra một trong các sự kiện nêu dưới đây, Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần sẽ được điều chỉnh như sau:

- i. ngoại trừ phát hành theo Chương trình Cổ phần cho Người lao động được Cho phép, trong trường hợp phát hành (kể cả phát hành quyền):

A. Cổ phần; hoặc

B. Chứng khoán Vốn khác,

trong mỗi trường hợp, với giá mỗi Cổ phần Phổ thông (trên cơ sở như được chuyển đổi) thấp hơn Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần được áp dụng ngay trước khi phát hành, ngoài quyền của Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại đối với việc phát hành đó theo Mục 5.3 dưới đây, Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần sẽ được điều chỉnh bằng giá thấp hơn mỗi Cổ phần Phổ thông của Chứng khoán Vốn và/hoặc Cổ phần được phát hành đó. Việc điều chỉnh theo quy định tại Mục 5.2(a)(i) này sẽ có hiệu lực sau khi phát hành Cổ phần hoặc Chứng khoán Vốn khác đó.

- ii. nếu và bất cứ khi nào Công ty chia nhỏ Cổ phần hoặc Chứng khoán Vốn, bằng cách chia tách cổ phần hoặc bằng cách khác, hoặc kết hợp Cổ phần hoặc Chứng khoán Vốn của Công ty, hoặc phát hành thêm Cổ phần hoặc Chứng khoán Vốn như một cổ tức hoặc một khoản phân chia (ngoại trừ phân chia Chứng khoán Vốn theo Chương trình Cổ phần cho Người lao động được Cho phép), Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần sẽ được điều chỉnh bằng cách nhân Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần được áp dụng ngay trước khi chia, hợp nhất, hoặc phát hành cổ phần với phân số sau:

A/B

trong đó:

A là tổng số Cổ phần Phổ thông trong đợt phát hành ngay trước khi hợp nhất, chia, hoặc phát hành đó, tùy từng trường hợp (trên Cơ sở Pha loãng Hoàn toàn); và

B là tổng số Cổ phần Phổ thông trong đợt phát hành ngay sau, và do, việc hợp nhất, chia, hoặc phát hành đó, tùy từng trường hợp (trên Cơ sở Pha loãng Hoàn toàn).

Việc điều chỉnh theo quy định tại Mục 5.2(a)(ii) này sẽ có hiệu lực khi hết giờ làm việc của ngày mà việc hợp nhất hoặc chia, tùy từng trường hợp, có hiệu lực hoặc vào ngày khóa sổ đối với cổ tức đó, hoặc trong trường hợp không ấn định ngày khóa sổ, thì sau khi trả cổ tức đó.

- iii. nếu và bất cứ khi nào Công ty phân chia Cổ tức Tiền mặt Đặc biệt, Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần sẽ được điều chỉnh như sau:

$$A = B \times [(C - D)/C]$$

trong đó:

A là Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần điều chỉnh;

B là Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần ngay trước khi phân chia Cổ tức Tiền mặt Đặc biệt;

C là Giá Thị trường mỗi Cổ phần vào ngày phân chia Cổ tức Tiền mặt Đặc biệt; và

D là số tiền danh nghĩa của Cổ tức Tiền mặt Đặc biệt mỗi Cổ phần.

Việc điều chỉnh theo quy định tại Mục 5.2(a)(iii) này sẽ có hiệu lực khi hết giờ làm việc của ngày khóa sổ cho việc phân chia Cổ tức Tiền mặt Đặc biệt đó, hoặc trong trường hợp không ấn định ngày khóa sổ, thì sau khi thực hiện phân chia Cổ tức Tiền mặt Đặc biệt đó.

- iv. nếu và bất cứ khi nào Công ty trao hoặc đề nghị với bất kỳ Người nào (A) quyền đăng ký mua hoặc mua bất kỳ Cổ phần Phổ thông nào dưới Giá Thị trường mỗi Cổ phần; (B) Chứng khoán Vốn khác mà có thể dẫn đến việc đăng ký mua hoặc mua Cổ phần Phổ thông dưới Giá Thị trường mỗi Cổ phần; hoặc (C) thay đổi quyền chuyển đổi, trao đổi hoặc mua Chứng khoán Vốn dẫn đến việc đăng ký mua hoặc mua Cổ phần Phổ thông dưới Giá Thị trường mỗi Cổ phần (trong mỗi trường hợp, Giá Thị trường mỗi Cổ phần là giá vào ngày Công ty đưa ra đề nghị đó hoặc trao các quyền đó), Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần sẽ được điều chỉnh như sau:

$$A = B \times [C/D]$$

A là Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần điều chỉnh;

B là Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần ngay trước ngày Công ty đưa ra đề nghị đó hoặc trao các quyền đó;

C là số Cổ phần đang lưu hành giá định rằng Cổ phần Phổ thông mới đã được đăng ký mua hoặc mua với Giá Thị trường mỗi Cổ phần vào ngày Công ty đưa ra đề nghị đó hoặc trao các quyền đó;

D là tổng số Cổ phần Phổ thông của Công ty trên Cơ sở Pha loãng Hoàn toàn giá định rằng mỗi Người được trao hoặc đề nghị các quyền đó thực hiện đầy đủ các quyền của mình với giá mà Công ty đưa ra hoặc đề nghị.

Việc điều chỉnh theo quy định tại Mục 5.2(a)(iv) này sẽ có hiệu lực khi hết giờ làm việc của ngày Công ty đưa ra đề nghị đó hoặc trao các quyền đó.

- v. nếu và bất cứ khi nào Công ty thực hiện chào mua hoặc trao đổi đề nghị ("**Đề nghị**") để mua lại Cổ phần hoặc Chứng khoán Vốn của Công ty, Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần sẽ được điều chỉnh như sau:

$$A = B \times [(C \times D) / (E + F)]$$

A là Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần điều chỉnh;

B là Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần ngay trước khi hoàn tất Đề nghị;

C là giá bình quân theo khối lượng của Cổ phần Phổ thông giao dịch trên HSX (hoặc các sở giao dịch chứng khoán khác nơi Cổ phần Phổ thông khi đó đang được giao dịch) vào ngày ngay sau khi hoàn tất Đề nghị, hoặc nếu không có giá đó, là giá Cổ phần giao dịch trên HSX (hoặc các sở giao dịch chứng khoán khác nơi Cổ phần khi đó đang được giao dịch) vào ngày tiếp theo có giá đó. Để tính giá này, mọi giao dịch trực tiếp hay gián tiếp bởi các Cổ đông Chính, Công ty và các Bên liên kết của các đối tượng này sẽ không được tính đến;

D là số Cổ phần đang lưu hành của Công ty ngay trước khi hoàn tất Đề nghị;

E là giá trị vốn hóa thị trường của Công ty ngay sau khi hoàn tất Đề nghị; và

F là số tiền mặt được thanh toán theo Đề nghị;

Việc điều chỉnh theo quy định của Mục 5.2(a)(v) này sẽ có hiệu lực khi hết giờ làm việc của ngày hoàn tất Đề nghị.

- vi. nếu, vào bất kỳ Năm Tài Chính nào, số cổ tức và Phí Thâm định Hàng năm trong mỗi trường hợp được thực trả cho Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại và Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại nhận được ("**Khoản Thanh toán Thực tế Hàng năm**") thấp hơn bảy

phẩy hai phần trăm (7,2%) Số tiền Mua Cổ phần ("Khoản thanh toán Hàng năm Tối thiểu"), Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần sẽ được điều chỉnh như sau:

$$NCp = SA / \{ \{ SA + \sum [(At - Bt) * (1 + 15\%)^{(N-t)}] \} / C \}$$

Trong đó:

NCp là Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần điều chỉnh;

SA là Số tiền Mua Cổ phần;

At là Khoản thanh toán Hàng năm Tối thiểu phải trả trong Năm Tài chính t;

Bt là Khoản Thanh toán Thực tế Hàng năm nhận được trong Năm Tài chính t;

t là Năm Tài chính trong khoảng thời gian từ ngày của Hợp đồng Mua Cổ phần đến năm N;

N là Năm Tài Chính tính Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần theo Điều 15.2(b) dưới đây, hoặc năm gửi Thông báo Chuyển đổi (tùy từng trường hợp); và

C là Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần ngay trước khi tính Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần điều chỉnh.

Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần điều chỉnh theo Mục 5.2(a)(vi) này sẽ được tính theo Mục 5.2(c) dưới đây.

- b. Khi xảy ra bất kỳ sự kiện nào được quy định tại Mục 5.2(a)(i) tới 5.2(a)(v) này, Công ty sẽ tính lại Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần và số Cổ phần Chuyển đổi mà Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại sẽ được nhận sau khi Chuyển đổi và sẽ gửi cho Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại phê duyệt, chúng chỉ có chữ ký của cán bộ tài chính của Công ty xác nhận các tính toán mới đó cùng với báo cáo ghi rõ những thông tin có liên quan đến sự kiện đó, bao gồm cả bản kê:
- i. vốn cổ phần ngay trước và sau khi thay đổi; và
 - ii. nếu Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại yêu cầu hợp lý, các thông tin hoặc sự kiện khác có thể liên quan đến Quyền chọn Chuyển đổi.
- c. Ngay trước khi gửi Thông báo Chuyển đổi, đối với Mục 5.2(a)(vi), Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại sẽ tính lại Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần và số Cổ phần Chuyển đổi mà Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại sẽ được nhận sau khi Chuyển đổi. Tính toán của Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại sẽ là cuối cùng và có tính quyết định và ràng buộc Công ty trừ khi Công ty chứng minh thỏa đáng với Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại rằng thông tin đó có lỗi rõ ràng.

5.3 Đợt Phát hành Mới

- a. Trong Thời hạn Chuyển đổi trước khi Chuyển đổi toàn bộ Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại, mỗi Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại sẽ có quyền mua Chứng khoán Mới do Công ty phát hành ("**Đợt Phát hành Mới**") theo cách thức quy định dưới đây.
- b. Nếu Công ty dự định thực hiện một Đợt Phát hành Mới (kể cả chào bán cổ phần riêng lẻ và phát hành cho Cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu trong Công ty), Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại sẽ có quyền mua Cổ phần trong Đợt Phát hành Mới của Công ty.
- c. Nếu Công ty dự định thực hiện một Đợt Phát hành Mới, Công ty sẽ gửi văn bản thông báo ý định của mình cho mỗi Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại, trong đó mô tả Chứng khoán Mới, giá của Chứng khoán Mới, và điều khoản phát hành chung đối với Chứng khoán Mới, và ghi rõ Cổ phần trong Đợt Phát hành Mới của Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại đó trong đợt phát hành đó ("**Thông báo Phát hành**"). Công ty cũng sẽ cung cấp cho mỗi Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại thông tin về việc Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại yêu cầu hợp lý để đánh giá việc Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại thực hiện (hay không thực hiện) quyền mua Chứng khoán Mới theo Đợt Phát hành Mới. Mỗi Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại sẽ có bốn mươi lăm (45) ngày sau khi gửi thông báo đó ("**Ngày Thông báo**") để gửi cho Công ty văn bản thông báo rằng Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại đồng ý mua một phần hoặc toàn bộ Cổ phần trong Đợt Phát hành Mới của Công ty đối với Chứng khoán Mới với mức giá và theo các điều khoản được quy định cụ thể trong Thông báo Phát hành ("**Thông báo Mua Cổ phần**").
- d. Để tránh nhầm lẫn, Công ty sẽ không thực hiện Đợt Phát hành Mới cho đến Ngày Thông báo.
- e. Chậm nhất là mười (10) Ngày Làm việc sau ngày của Thông báo Mua Cổ phần:
 - i. Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại quyết định thực hiện các quyền của mình sẽ mua số Chứng khoán Mới theo tỷ lệ được quy định cụ thể trong Thông báo Mua Cổ phần và sẽ thanh toán số tiền có liên quan cho Công ty hoặc tổ chức liên quan;
 - ii. Công ty sẽ đăng ký số Chứng khoán Mới mà Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại mua trong sổ đăng ký cổ phần của Công ty và đứng tên Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại; và
 - iii. Công ty sẽ phát hành chứng chỉ mới cho Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại thể hiện số Chứng khoán Mới mà Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại đã mua.

6. Hoàn lại và Mua lại Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại

6.1 Hoàn lại theo yêu cầu của Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại

Nếu xảy ra một trong các sự kiện sau, Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại với toàn quyền quyết định của mình và không ảnh hưởng đến quyền Chuyển đổi, có thể gửi thông báo cho Công ty, yêu cầu Công ty mua lại toàn bộ Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại mà mình nắm giữ trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày có thông báo của Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại, với giá mỗi Cổ

phần Ưu đãi Hoàn lại bằng (i) Giá Hoàn lại trong trường hợp xảy ra sự kiện tại Mục 6.1(a), hoặc (ii) Giá Hoàn lại Đặc biệt trong trường hợp xảy ra sự kiện tại Mục 6.1(b) đến (hết) 6.1(d) (mỗi sự kiện đó gọi là một "**Sự kiện Hoàn lại Đặc biệt**"):

- a. Công ty không đạt Kiểm tra Khả năng Thanh khoản;
- b. xảy ra việc Thay đổi quyền Kiểm soát;
- c. sau khi thực hiện quyền của Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại thực hiện quyền được Chuyển Đổi Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại thành Cổ phần Phổ thông của Công ty, Công ty không phát hành Cổ phần Chuyển đổi vào Ngày Giải quyết Chuyển đổi theo các điều khoản của Điều lệ này và các Tài liệu Giao dịch vì bất kỳ lý do gì (bao gồm, nhưng không giới hạn ở, việc Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại bị cấm chuyển đổi Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại thành Cổ phần Chuyển đổi, Công ty không thể phát hành Cổ phần Chuyển đổi do các hạn chế theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc Công ty không xin được các Phê duyệt cần thiết và/hoặc thực hiện hành động nội bộ cần thiết để có thể thực hiện việc Chuyển đổi và phát hành Cổ phần Chuyển đổi); hoặc
- d. xảy ra một Sự kiện Vi phạm hoặc một Sự kiện Vi phạm Tiềm tàng.

6.2 Mua lại theo đề nghị của Công ty

Vào bất kỳ thời điểm nào sau ngày tròn ba (3) năm sau Ngày Mua Cổ phần, Công ty có thể gửi thông báo bằng văn bản cho (các) Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại đề nghị mua lại một số Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại với Giá Mua lại mỗi Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại để sau khi mua lại, số Cổ phần Phổ thông mà (các) Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại sẽ có nếu (các) Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại Chuyển đổi Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại còn lại của mình với Giá Chuyển đổi mỗi Cổ phần vào ngày của thông báo bằng văn bản đó sẽ chiếm 20% tổng số Cổ phần Phổ thông của Công ty trên Cơ sở Pha loãng Hoàn toàn. Để tránh nhầm lẫn, Cổ đông Ưu đãi Hoàn lại sẽ có quyền chấp nhận hoặc từ chối một phần hay toàn bộ đề nghị đó.

